TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 28-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương
2. Ông Mai Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-DS ngày 12/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Danh P, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố V1, thị trấn V, huyện V, tỉnh K; *có mặt*

- *Bị đơn*: Chị Danh Thị L, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố V1, thị trấn V, huyện V, tỉnh K; *vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Danh P trình bày: Anh và chị L trên cở sở tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng kí kết hôn tại UNBD thị trấn Vĩnh Thuận. Vợ chồng chung sống đầm ấm được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng về quan điểm với nhau, thường xuyên cự cãi, hiện anh chị đã ly thân với nhau. Nay anh P xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau, cuộc sống không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó anh P yêu cầu được ly hôn với chị Danh Thị L. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Danh Thị Hoài A, sinh ngày 18/3/2017 và Danh Trọng H, sinh ngày 09/6/2020, hiện con chung đang sống cùng anh P, anh P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ

chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Danh Thị L vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P, căn cứ qua xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị hiện tại đã ly thân, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Về con chung: Giao 02 người con chung Danh Thị Hoài A, sinh ngày 18/3/2017 và Danh Trọng H, sinh ngày 09/6/2020 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, các con hiện đang sống chung anh P, cuộc sống đảm bảo. Về cấp dưỡng: Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P không yêu cầu. Chị L được quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Danh Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị L tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Về nguyên nhân xin ly hôn theo anh P trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tình cảm, hiện anh chị đã sống ly thân. Về mâu thuẫn giữa anh chị được chính quyền địa phương xác nhận là có thật, anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất hòa. Xét thấy, anh chị hiện nay đã ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Danh P.

[3] Về con chung: Anh P và chị L có 02 người con chung tên Danh Thị Hoài A, sinh ngày 18/3/2017 và Danh Trọng H, sinh ngày 09/6/2020. Qua xác minh, hiện 02 cháu đang sống chung anh P, cuộc sống được đảm bảo. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho cháu A, cháu H nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí xin ly hôn*:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002689 ngày 02/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Anh Danh P được ly hôn với chị Danh Thị L.

2- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Danh Thị Hoài A, sinh ngày 18/3/2017 và Danh Trọng H, sinh ngày 09/6/2020 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Hoài A, cháu Trọng H hiện đang sống với anh P, cuộc sống đảm bảo).

Chị L có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4- Về án phí sơ thẩm: Anh Danh P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002689 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm